

Bản án số: 137/2017/HNGĐ-ST

Ngày 24-8-2017.

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Võ Kỳ Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Nguyệt.  
2. Bà Hoàng Thị Thu.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Tỉnh Thanh hoá.

Ngày 24/8/2017 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2017 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị Huyền T. Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Lập Thôn, xã Định Bình, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Ninh Đức T Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Lập Thôn, xã Định Bình, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt Chị T và anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2017 cũng như tại bản tự khai ngày 17/5/2017, nguyên đơn là Chị Trịnh Thị Huyền T trình bày:*

Chị và anh Ninh Đức T kết hôn với nhau ngày 16/5/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay chị T xét thấy không còn tình cảm gì với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Ninh Trịnh Đức L, sinh ngày 22/12/2012. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T.

Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 07/6/2017 bị đơn là anh Ninh Đức T trình bày:*

Anh và chị T kết hôn với nhau ngày 16/5/2012 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn mà chỉ có một số va chạm nhỏ trong cuộc sống. Do chị T không bằng lòng với cuộc sống hôn nhân hiện tại nên làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị T và không muốn con cái phải xa cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Ninh Trịnh Đức L, sinh ngày 22/12/2012. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T. Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn là được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Ninh Đức T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Lập Thôn, xã Định Bình, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc chị Trịnh Thị Huyền T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 điều 28; điều 37; điều 39 Bộ luật TTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã được nhận thông báo thụ lý vụ án, tiến hành làm bản tự khai, tham gia phiên hòa giải và nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử đầy đủ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Trịnh Thị Huyền T và anh Ninh Đức T kết hôn với nhau ngày 16/5/2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, Thanh Hóa. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên không tìm cách giải quyết mâu thuẫn nên ngày càng trở nên trầm trọng. Chính vì vậy hai bên đương sự đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2017 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Xét nguyện vọng của hai bên thấy rằng: anh T cho rằng mình vẫn còn tình cảm với chị T và không muốn ly hôn nhưng khi mâu thuẫn xảy ra, anh không tìm cách khắc phục mâu thuẫn, khi chị T phải đi thuê nhà ở riêng anh T cũng không tìm cách hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Ninh Trịnh Đức L, sinh ngày 22/12/2012. Hiện nay cháu đang sống cùng anh T.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ, chị T đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa xét xử việc ly hôn, chị cho rằng cháu L lâu nay đang ở với anh T nên chị cũng đồng ý giao con cho anh T và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 1.000.000đ.

Tại phiên tòa, anh Ninh Đức T vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc hai bên đương sự đều có nguyện vọng giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự và giao cháu Ninh Trịnh Đức L cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Ninh Đức T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ thấy rằng: việc cấp dưỡng là nhằm đảm bảo hơn về điều kiện vật chất cho con chung, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T và buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 56, điều 81, 82, 84 của Luật HN- GD.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Huyền T được ly hôn anh Ninh Đức T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Ninh Trịnh Đức L, sinh ngày 22/12/2012 cho anh Ninh Đức T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trịnh Thị Huyền T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ninh Đức T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi cháu Ninh Trịnh Đức L đến tuổi thành niên.

Chị T được quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, hai bên đương sự có quyền khởi kiện về việc yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự cho rằng tài sản chung vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a Khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Chị Trịnh Thị Huyền T phải nộp 300.000đ án phí HNGĐST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2015/0003534 ngày 12/5/2017 của Chi cục THADS Yên Định. Chị Trịnh Thị Huyền T còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn và mặt bị đơn. Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Yên Định;
- Nơi cấp Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kỳ Anh**